

Bản án số: 666/2026/DSST

Ngày: 03/4/2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ NỘI

- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Hà Lê và Bà Nguyễn Minh Hương

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Linh Chi – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 – Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Đàm Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 842/2025/TLST- DS ngày 05/11/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 86/2026/QĐST-HPT ngày 06 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (Sbank)

Trụ sở: Số 266 -268 N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Pháp nhân đại diện theo uỷ quyền: Công ty TNHH M (Công ty M). Địa chỉ: Số 278 N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tấn D theo Giấy uỷ quyền số 3815/2024/GUQ-PC ngày 10/12/2024. Đại diện uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Việt Q Giấy uỷ quyền số 2628/2025/UQ-TGD ngày 22/4/2025. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Tổng GT. Sinh năm 1966. HKTT: Số 112 Tr, phường C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, đại diện nguyên đơn trình bày:**

Ngày 27/02/2017, bà Tổng GT có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà G, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 472074 – 6436 với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng; với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà G đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 950.492.955 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà G đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 928.840.000 đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ trừ lãi, phí trước, sau đó mới trừ tiếp vào giao dịch, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà G vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà G vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/08/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi quá hạn: $3.9\%/tháng = 2.6\%/tháng \times 150\%$

Tính đến ngày 03/04/2026, bà G còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 102.429.029 (Bằng chữ: Một trăm linh hai triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, không trăm hai mươi chín đồng) đồng, trong đó nợ gốc là 27.731.357 đồng, nợ lãi quá hạn là 74.697.672 đồng.

Nay ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu:

- Buộc bà Tổng GT phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 03/04/2026 là 102.429.029 đồng, trong đó nợ gốc là 27.731.357 đồng, nợ lãi quá hạn là 74.697.672 đồng.

- Bà Tổng GT có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 03/04/2026 cho đến khi trả dứt nợ gốc vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Về án phí: Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật

*** Bị đơn là bà Tổng GT:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn đến Tòa án làm việc, cung cấp tài liệu, chứng cứ, tiến hành công khai chứng cứ và hoà giải để giải quyết vụ án. Nhưng bị đơn đều không đến Tòa án làm việc, không gửi ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án nên Tòa án không lấy được lời khai cũng không hoà giải được. Tòa án đã tổng đạt đúng quy định quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu bà Tổng GT phải trả Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 03/4/2026 là 102.429.029 (Bằng chữ: Một trăm linh hai triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, không trăm hai mươi chín đồng) đồng. Trong đó, nợ gốc là 27.731.357 đồng, nợ lãi quá hạn là 74.697.672 đồng. Bà Tổng GT có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 03/4/2026 cho đến khi trả dứt nợ gốc vay theo

lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn, bà Tổng GT vắng mặt tại phiên tòa lần 2, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về thời hiệu và thẩm quyền: Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thời hiệu và thẩm quyền theo quy định. Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành các quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, không chấp hành các quy định của pháp luật. Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt các đương sự trên.

Về giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 03/4/2026 là 102.429.029 (Bằng chữ: Một trăm linh hai triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, không trăm hai mươi chín) đồng, trong đó Nợ gốc là 27.731.357 đồng, nợ lãi quá hạn là 74.697.672 đồng; Bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thực tế thanh toán hết khoản nợ.

Về án phí: Nguyên đơn ngân hàng được hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên cơ sở số tiền phải trả theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 27/02/2017, Ngân hàng TMCP S (Sbank) và bà Tổng GT đã ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Do bà G vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy xác định đây là vụ án dân sự về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Tổng GT có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại số 112 Tr, phường C, thành phố Hà Nội (cũ là số 112 Tr, phường C, quận H), đến thời điểm thụ lý không có tài liệu nào khác về địa chỉ cư trú hiện tại của bị đơn.

Ngày 12/11/2025, Công an phường C cung cấp thông tin bà Tổng GT đã bán nhà, đi khỏi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú từ năm 2010.

HĐXX xác định địa chỉ đăng ký HKTT là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án về “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn, Ngân hàng TMCP S về việc thanh toán nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đối với bị đơn, bà Tổng GT, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 27/02/2017, Ngân hàng TMCP S và bà Tổng GT ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của bà G, Ngân hàng TMCP S đã cấp thẻ tín dụng số thẻ 472074 – 6436 với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng; với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, bà G đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 950.492.955 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt, bà G đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 928.840.000 đồng. Ngày 01/8/2020, bà G vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, có căn cứ xác định bên vay là bà Tổng GT đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Theo quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà các bên ký kết thì Ngân hàng TMCP S có quyền khởi kiện yêu cầu thu hồi nợ. Xác định số tiền nợ gốc tạm tính đến ngày 03/4/2026 và buộc bà Tổng GT phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP S là 27.731.357 đồng. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Đối với yêu cầu tính lãi: Khi ký kết Hợp đồng các bên đã thỏa thuận thời hạn vay, mức lãi suất... Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Tổng GT đã thanh toán trả được một phần tiền lãi cho Ngân hàng TMCP S theo quy định của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 01/8/2020, bà G vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn là $3.9\%/tháng = 2.6\%/tháng \times 150\%$. Do vậy, yêu cầu tính lãi của Ngân hàng TMCP S là có căn cứ nên được chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi quá hạn tính từ thời điểm bà G vi phạm đến ngày xét xử (03/4/2026) là 74.697.672 đồng.

Từ những phân tích đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S về việc buộc bị đơn bà Tổng GT phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ cho nguyên đơn theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng –

các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Tính đến ngày 03/4/2026 bà G còn nợ ngân hàng số tiền là 102.429.029 đồng. Trong đó, nợ gốc là 27.731.357 đồng, nợ lãi quá hạn là 74.697.672 đồng.

[3] **Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 357, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự

- Căn cứ các Điều 4, Điều 12, Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (Sbank) đối với bà Tổng GT.

Buộc bà Tổng GT phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S (Sbank) số tiền tạm tính đến ngày 03/4/2026 là 102.429.029 (Bằng chữ: Một trăm linh hai triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, không trăm hai mươi chín) đồng theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký kết ngày 27/02/2017 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), trong đó:

Nợ gốc là 27.731.357 đồng.

Nợ lãi quá hạn là 74.697.672 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (04/4/2026), người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến thi hành xong khoản nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bà Tổng GT phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.121.451 đồng (Bằng chữ: Năm triệu, một trăm hai mươi một nghìn, bốn trăm năm mươi một đồng).

Hoàn trả Ngân hàng TMCP S (Sbank) số tiền tạm ứng án phí là 1.815.371 (Bằng chữ: Một triệu, tám trăm mười lăm nghìn, ba trăm bảy mươi một) đồng đã nộp

theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0014856 ngày 04/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND khu vực 1 – Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội
- Phòng THADS Khu vực 1 – Hà Nội;
- Các đương sự
- Lưu HS, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thu Hương